

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/HNGĐ-ST

Ngày 17/8/2020

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Sửu.

Ông Trần Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 17/8/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 101/2020/TLST-HNGĐ ngày 13/7/2020 về việc tranh chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/7/2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 25/01/1994.

Hộ chiếu số B8873792 do Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 11/3/2014.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 18, ngõ 25, Đ, phường R, B, quận H, thành phố Hà Nội.

Hiện cư trú tại: Saitamaken Kawagoshi Rostuken Mati 2-13-14 Amourw 1**, Japan.

Xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

* Đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Ngọc A về việc giao nộp đơn khởi kiện, nhận tài liệu, văn bản, nộp chi phí tố tụng: bà Hoàng Thị H, sinh năm: 1983. Địa chỉ: thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Không triệu tập đến phiên tòa.

* Bị đơn: Chị Ngô Thị N, sinh ngày 20/01/1997.

Chứng minh nhân dân số 122255731 do Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 23/5/2014.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: phố C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Ngọc A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Ngô Thị N trên cơ sở có sự tìm hiểu và tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 02/02/2018 tại Sở Hành chính thành phố Kawagoe, tỉnh Saitama, Nhật Bản, đã được Đại Sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản ghi chú kết hôn ngày 22/6/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp về tính cách và định hướng tương lai. Ngày 01/ 9/2018 chị Ngô Thị N đã về Việt Nam sinh sống và không còn liên lạc với nhau nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục đoàn tụ chung sống, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ngô Thị N.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung do vậy anh không đề nghị Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung, các khoản nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung do vậy anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Ngoài ra anh Nguyễn Ngọc A trình bày: Do ảnh hưởng của Virus Corona nên không thu xếp về Việt Nam được. Vì vậy anh đề nghị xin được vắng mặt tại các buổi làm việc lấy lời khai, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử của Tòa án. Đề nghị Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử. Anh đã làm văn bản ủy quyền cho bà Hoàng Thị H là người thân đại diện giao, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, các văn bản, chi phí tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo lại cho anh được biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

* Tại bản tự khai, bị đơn là chị Ngô Thị N trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị kết hôn với anh Nguyễn Ngọc A trên cơ sở có sự

tìm hiểu và tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 02/02/2018 tại Sở Hành chính thành phố Kawagoe, tỉnh Saitama, Nhật Bản, đã được Đại Sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản ghi chú kết hôn ngày 22/6/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp về tính cách và định hướng tương lai. Ngày 01/ 9/2018 chị đã về Việt Nam sinh sống và vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục đoàn tụ chung sống, anh Nguyễn Ngọc A đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị thì chị cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung do vậy chị không đề nghị Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung, các khoản nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung do vậy chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Ngoài ra chị Ngô Thị N trình bày: Do không sắp xếp được công việc riêng nên chị đề nghị Tòa án không tổ chức hòa giải, xin được vắng mặt tại các buổi làm việc lấy lời khai, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử của Tòa án.

*Tại phiên tòa sơ thẩm anh Nguyễn Ngọc A và chị Ngô Thị N đều vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện. Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) công bố đơn khởi kiện; các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; bản tự khai của các đương sự; tóm tắt nội dung vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa do vụ án không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2, Điều 21- Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Ngọc A là công dân có quốc tịch Việt Nam, địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 18, ngõ 25, Đ, phường R, Biên Giang, quận H, thành phố Hà Nội, Việt Nam nhưng đang cư trú tại Saitamaken Kawagoshi Rostuken Mati 2-13-14 Amourw 1**, Japan (Nhật Bản). Hiện anh Nguyễn Ngọc A có đơn khởi kiện xin ly hôn chị Ngô Thị N là công dân Việt Nam, đăng ký hộ khẩu thường trú: phố C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, Tòa án xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn có đương sự là người Việt Nam ở nước ngoài, đang cư trú ở nước ngoài với người Việt Nam có quốc tịch nước ngoài, đang cư trú ở nước ngoài. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang (Việt Nam) theo quy định tại khoản 1, Điều

28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 127- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2]. Về việc đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành văn bản tố tụng và giao cho người đại diện của các đương sự nhận thay để thông báo cho các đương sự biết, thực hiện quyền và nghĩa vụ. Các đương sự đã có lời khai trình bày về việc ly hôn và có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, đơn xin xét xử vắng mặt. Các văn bản của anh Nguyễn Ngọc A đều có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 238; điểm a, khoản 5, Điều 477- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX thấy:

[3.1]. Về quan hệ vợ chồng:

[3.1.1] Anh Nguyễn Ngọc A và chị Ngô Thị N kết hôn trên cơ sở có sự tìm hiểu và tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 02/02/2018 tại Sở Hành chính thành phố Kawagoe, tỉnh Saitama, Nhật Bản, đã được Đại Sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản ghi chú kết hôn ngày 22/6/2018. Việc ghi chú kết hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 34, Điều 35- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch. Do vậy Tòa án xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Ngọc A và chị Ngô Thị N là hợp pháp và được điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam. Quá trình chung sống anh chị hòa thuận hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Nay anh Nguyễn Ngọc A xin ly hôn chị Ngô Thị N và chị Ngô Thị N cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn.

[3.1.2]. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Nguyễn Ngọc A và chị Ngô Thị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho anh Nguyễn Ngọc A được ly hôn chị Ngô Thị N.

[3.2]. Về con chung: anh Nguyễn Ngọc A và chị Ngô Thị N đều xác định không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.3]. Về tài sản chung: anh Nguyễn Ngọc A và chị Ngô Thị N trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.4]. Về các khoản nợ chung: anh Nguyễn Ngọc A và chị Ngô Thị N trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, Điều 27-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, anh Nguyễn Ngọc A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang (Do bà Hoàng Thị H nộp thay ngày 10/7/2020). Xác nhận anh Nguyễn Ngọc A đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; khoản 2, Điều 123; Điều 127- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 238; khoản 1, Điều 474; điểm a, khoản 5, Điều 477; khoản 2, Điều 479 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc A được ly hôn chị Ngô Thị N.

2. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Ngọc A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2018/0000762 ngày 10/7/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang (Do bà Hoàng Thị H là đại diện theo ủy quyền nộp). Xác nhận anh Nguyễn Ngọc A đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

3.1. Anh Nguyễn Ngọc A hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

3.2. Chị Ngô Thị N hiện đang cư trú ở Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Đại Sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Ong Thân Thắng

